

Kiên Lương, ngày 26 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 58/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Thanh Tr**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 10, khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà **Nguyễn Thị Ng**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ 09, khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Thanh Tr và anh Nguyễn Thành T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Không có

Tài sản chung: Về số tiền sửa chữa nhà là 20.000.000đ; Anh T chị Tr thỏa thuận thanh toán như sau: Chị Tr thanh toán trước cho anh T số tiền 5.000.000đ (đã thực hiện xong), còn lại số tiền 15.000.000đ chị Tr thanh toán cho anh T vào ngày 15/10/2021.

Về nợ chung: Chị Tr và anh T thống nhất còn nợ bà Nguyễn Thị Ng số tiền 20.000.000đ và cách thanh toán nợ cho bà Ng như sau: anh T thực hiện thanh toán một lần hết số tiền 10.000.000đ cho bà Ng khi án có hiệu lực pháp luật. Chị Tr thực hiện thanh toán một lần hết số tiền 10.000.000đ cho bà Ng vào ngày 30/3/2022.

Bà Ng thống nhất với số nợ số tiền 20.000.000đ và cách thanh toán của anh T và chị Tr nêu trên.

Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm 150.000đ, mỗi người chịu $\frac{1}{2}$, Chị Tr phải nộp 75.000đ, anh T phải nộp 75.000đ. Án phí dân sự sơ thẩm là 875.000đ, cụ thể như sau:

Chị Tr phải nộp số tiền án phí là 312.500đ và 75.000đ án phí hôn nhân gia đình. Tổng án phí chị Tr phải nộp là 387.500đ, được khấu trừ vào án phí tạm nộp 300.000đ theo lai thu số 0009006 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương. Theo đó, chị Tr phải nộp thêm số tiền là 87.500đ.

Bà Ng phải nộp án phí dân sự là 250.000đ, anh T tự nguyện nộp thay cho bà Ng. Theo đó, bà Ng được nhận lại số tiền 500.000đ theo lai thu số 0009007 ngày 03/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

Tổng án phí anh T phải nộp là 637.500đ, bao gồm án phí dân sự là 312.500đ; án phí hôn nhân là 75.000đ và 250.000đ án phí tự nguyện nộp cho bà Ng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- **UBND phường V;**
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN